

Bản án số: 24/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27 -02 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quốc Tuấn.

2. Bà Đỗ Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – N sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị T để giao, nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà G Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: Hàn Quốc, không rõ địa chỉ cụ thể; vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1964 và bà Bùi Ngọc H1, sinh năm 1973; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, công việc, anh N mãi chơi, không tu chí làm ăn dẫn đến nợ nần, giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ. Năm 2017 chị T xuất cảnh sang Hàn Quốc để lao động. Năm 2018 anh N cũng xuất cảnh sang Hàn Quốc để lao động, tại đây vợ chồng chị không chung sống cùng nhau, ít liên lạc, không quan tâm tới nhau, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Chị đã nhiều lần liên lạc với anh N để hỏi địa chỉ của anh N ở Hàn Quốc nhưng anh không cho chị T biết. Nay chị T xác định tình cảm không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Đức N.

Về con chung: Chị T, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Gia K, sinh ngày 24/10/2019. Khi ly hôn chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Quan điểm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức V và bà Bùi Ngọc H1 (bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức N):

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức N đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam (nay là phường Đ, tỉnh Ninh Bình). Năm 2017 anh N, chị T đi làm ăn tại Hàn Quốc, đến nay chị T đã về nước, còn anh N chưa về Việt Nam. Anh N thỉnh thoảng có gọi điện về hỏi thăm gia đình nhưng chỉ có anh N chủ động gọi điện về nhà thông qua mạng xã hội (Zalo, Facebook), ông bà không liên lạc được với anh N. Anh N không cho ông bà biết địa chỉ cụ thể, số điện thoại của anh N ở Hàn Quốc. Do đó ông bà không cung cấp được địa chỉ và số điện thoại của anh N cho Tòa án. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông bà không nhận trách nhiệm phải thông báo cho anh N biết về các văn bản đó cũng như yêu cầu anh N gửi bản tự khai về Tòa án. Việc vợ chồng chị T, anh N ly hôn đây là việc riêng của anh N và chị T, ông bà không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị T, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Gia K, sinh ngày 24/10/2019. Sau khi sang Hàn Quốc anh N, chị T đã sinh cháu K và đến đầu năm 2020 anh N, chị T có gửi cháu K về Việt Nam cho ông bà nội (ông V, bà H1) nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện tại cháu ngoan ngoãn, mạnh khỏe, phát triển tốt.

Nay cháu K đang ở với ông V, bà H1, ông bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu K thay cho anh N, chị T. Ông V, bà H1 đã biết việc chị T về Việt Nam nên khi ly hôn về con chung của vợ chồng anh N, chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh N, chị T không có tài sản chung, công nợ chung gì tại địa phương và không có đóng góp công sức gì với ông V, bà H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vắng mặt phiên tòa lần 2, đề nghị Hội đồng xét xử theo thủ tục chung.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Gia K, sinh ngày 24/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của chị T, anh N không có. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đức N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Ninh Bình. Hiện nay anh N đang ở nước ngoài không rõ địa chỉ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bố, mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức N là ông Nguyễn Đức V, bà Bùi Ngọc H1 và nhiều lần yêu cầu thân nhân của anh N cung cấp địa chỉ của bị đơn nhưng không có kết quả, mặt khác Tòa án đã niêm yết

các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn (phiên tòa lần 02) theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đến năm 2017, 2018 anh N, chị T đi sang Hàn Quốc lao động nhưng giữa hai vợ chồng không chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tồn tại dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay chị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình, xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức N.

[3] Về con chung: Chị T, anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Gia K, sinh ngày 24/10/2019. Khi vợ chồng ở Hàn Quốc thì cháu K ở với ông V, bà H1. Nay chị T đã về nước nên khi ly hôn, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K của chị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay anh N đang ở Hàn Quốc nhưng không xác định được địa chỉ cụ thể nơi anh N đang sinh sống và làm việc, anh N không gửi văn bản ý kiến về Tòa án. Vì anh N vắng mặt tại địa phương nên để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu K, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị T xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu K kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì anh N đang ở Hàn Quốc, không rõ địa chỉ và không có ý kiến tại Tòa án, do đó khi anh N, chị T phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, tài sản chung, công nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đức N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức Gia K, sinh ngày 24/10/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02/2026 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003119 ngày 25/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

Anh Nguyễn Đức N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, chị Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Đức V, bà Bùi Ngọc H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSNDKV 6 - Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Ông Vương, bà Hồi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADSKV 6 - Ninh Bình;
- UBND phường Đồng Văn;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Thị Tươi